

HOA CỎ QUANH TÔI

Những lần đi khám bệnh quanh xóm, những buổi đi dạo trên đường đê bao, tình cờ hay cố ý nhìn thấy những bông hoa, cây cỏ bên đường, tôi đã cố gắng chụp cho chúng những tấm hình “đẹp” bằng khả năng mình có được. Những hoa cỏ tôi đã biết tên, hoặc hỏi dân địa phương, tôi ghi lại bằng hình ảnh và đôi điều nhớ nghĩ về chúng.

Đây là những bông hoa, cây cỏ tôi chụp ở vùng ngoại ô Sài Gòn, khu phố Hiệp Bình Phước.

HOA LẠC TIÊN

Cạnh nhà có cô gái trẻ chiều chiều đi hái dây nhãn lồng về điều trị chứng động kinh sau tai nạn cho tía. Tôi theo cô gái một đôi lần, đi dọc theo bờ kênh và chụp vài tấm ảnh dây nhãn lồng.

Dây nhãn lồng quê tôi gọi là cây lạc tiên hay cây mấm nêm.

Mùi hăng hăng, vị đắng đắng của lá hay vị chua chua, ngọt ngọt của trái lạc tiên tôi đã thưởng thức từ lúc còn 5 – 6 tuổi.

Trong vườn nhà tôi ngày đó lạc tiên mọc hoang nơi này, nơi kia, cha mẹ tôi không nhổ bỏ đi, cũng không ủ phân tưới nước, nó tự mọc, tự tàn, nhánh này vàng úa, nhánh kia đâm chồi xanh ngút, cây ra hoa, trổ trái quanh năm.

Cha tôi bị chứng mất ngủ kinh niên, mẹ tôi khi thì luộc lá vông nem, lá dâu, khi thì pha trà tim sen, khi thì nấu chè táo đỏ bạch quả, nhưng thứ ngày nào cũng có là nước hãm cây lạc tiên phơi khô.

Lạc tiên hái về gồm cả thân và lá, rửa sạch treo trên các chổi tre cho ráo nước, chặt thành từng khúc nhỏ chừng 4 hay 5 phân rồi phơi hai nắng trên những cái nia lớn. Lạc tiên khô được bỏ vào túi lát, cất giữ trên giàn bếp. Mỗi ngày mẹ lấy chừng hai nắm bỏ vào bình tích sứ, pha nước đang sôi, đậy nắp bình hãm chừng mười phút, bỏ bình sứ vào vỏ trái dừa khô giữ nóng, để dành cho cha uống dần trong ngày.

Mẹ tôi bảo thời thanh niên cha ngủ rất khỏe nhưng từ khi rời vùng kháng chiến trở về, ngày nào cũng ôm cái ra-đi-ô Philips mỗi sáng, mỗi chiều nghe ngóng tin tức

rời mắt ngủ triền miên. Mẹ lại bảo cha mất ngủ một phần cũng do dư chứng của bệnh sốt rét.

Không những cha tôi mất ngủ mà ông cậu Mới, người làm vườn, người bạn vong niên của tôi cũng không ngủ được. Trong căn chòi ở cuối vườn, cái ẩm nhòm và bao tải lạc tiên khô đã cho tôi thấy điều đó. Về sau, khi lớn lên, qua sách báo, nhớ lại lời kể của cha, của ông cậu Mới tôi nghiệm ra rằng nhiều người thuộc thế hệ cha, thế hệ ông cậu đã mất ngủ vì một lý do chung là “khóc cười theo mệnh nước nổi trôi”(*).

*

Cây lạc tiên còn gọi là cây mắ m, người Nam bộ gọi là dây chùm bao, dây nhãn lồng, dây lười, người Quảng Nam gọi là dây bầu đường. Người Tày gọi là tay phiên liên, mò pì, quanh mon. Người Thái gọi là cỏ hồng tiên.

Tên khoa học là *Passiflora Foetida*.

Thành phần hóa học: Quả, hạt và lá có chứa một acide không bền: acid cyahydric và acéton. Quả chín có chứa muối Ca, P, Fe.

*

Hôn nhân của cha mẹ tôi là hôn nhân mai mối nhưng ông bà sống với nhau rất chan hòa. Mẹ tôi lo cho cha từng miếng ăn, giấc ngủ với tình thương bao la chân thành. Cha tôi sống giản dị, yêu thương vợ con rất mực. Nói như người trong Nam:

“Chim quyên ăn trái nhãn lồng/ Thia lia quen chầu, vợ chồng quen hơi” hay

“Chim quyên ăn trái nhãn lồng/ Thương em lao khổ anh ngồi chẳng yên”. (**)

(*) lời bài hát Tình Ca của Phạm Duy

(**) ca dao Nam bộ.



HOA TRINH NỮ

Ngày còn nhỏ, theo cha ra vườn, tôi rất thích những bụi hoa trinh nữ, một loại cây mọc từng cụm, có hoa màu hồng, lá xanh non, xanh thẫm mọc xen kẽ nhau. Mỗi lần chạm nhẹ tay vào cành lá, lá e thẹn khép lại. Loài hoa này có những gai nhỏ ở thân làm xước da, nhưng tôi vẫn thích chạm nhẹ vào chúng, xem chúng từ từ khép lá, đoạn ngồi chờ cho đám lá mở ra, rồi lại chạm tay vào, cứ thế tôi mãi mê chơi với đám lá nhỏ có gai này.

Lang thang quanh bờ đê bao, tôi bắt gặp lại những cụm hoa màu hồng đáng yêu, nhưng không còn ngồi mê mẩn chạm vào chúng. Tôi chụp vài tấm ảnh lưu giữ về các loài hoa cỏ quanh nơi tôi đang ở.

Hoa trinh nữ còn gọi là cây xấu hổ, cây mắc cỡ, cây thẹn, hàm tu thảo.

Tên khoa học là: *Mimosa Pudica* L

Cây có nguồn gốc từ Nam Mỹ và Trung Mỹ, nhưng hiện nay đã có mặt tại nhiều nơi. Cây phát triển chủ yếu ở những khu vực râm mát, yên tĩnh.

*

Thành phần hóa học: Cây trinh nữ chứa một alcaloid là mimosin có tác dụng ức chế tăng trưởng. Cây trinh nữ còn có chất chống oxy hóa và kháng khuẩn. Ngoài ra còn các alcaloide khác như: Flavonoide C- glycoside, sterols, terenoids, tannin và các acide béo. Cây xấu hổ còn chứa rocetin-dimethylester, tubulin và một loại dầu béo tương tự như dầu đậu nành, thành phần chất béo gồm các acid panmitic 8,7%, stearic 8,90%. Oleic 31%, linoleic 51%. Ngoài ra còn một số ít protein.

Công dụng điều trị của cây trinh nữ:

- Giảm đau, an thần, tiêu viêm, kháng khuẩn.
- Tiêu ỉch, lợi tiểu.
- Ổn định huyết áp, hạ nhiệt, trị sốt rét.
- Chữa hen suyễn.
- Giảm lo âu, căng thẳng, chống trầm cảm, suy nhược thần kinh.
- Điều hòa kinh nguyệt.
- Điều trị đau lưng, nhức mỏi xương khớp.

*

Hồi nhỏ tôi rất thích ngắm những cánh lá nhỏ xíu tự khép lại, tự mở ra của loại cây mọc hoang này. Tôi hỏi cha, cha bảo: con đụng vào khiến nó xấu hổ nên nó khép lá lại, do vậy hoa còn có tên là hoa xấu hổ. Tôi hỏi mẹ, mẹ lại giải thích: Nó sợ con người quấy phá nên giả vờ ngủ. Lớn lên qua sách báo tôi biết: Ở cuối cuống lá có một mô tế bào mỏng gọi là bong lá, bên trong chứa đầy nước. Khi đụng tay vào, lá bị chấn động, nước trong lớp tế bào bong lá dồn lên phía trên, phần dưới bong lá xẹp xuống. Điều đó làm cho cuống lá sụp xuống, lá khép lại. Phản ứng xảy ra rất nhanh, chừng 10 giây. Khi một lá khép lại, nó chuyển tín hiệu đến các lá khác cứ thế chúng lần lượt xẹp lại. Nhưng chỉ vài phút sau, nước trở về bộ phận bong lá, lá lại xòe ra như cũ.

Cơ chế dẫn truyền các kích thích chưa được giải thích rõ ràng. Có một số nghiên cứu cho rằng: dù không có não bộ, cây trinh nữ vẫn có khả năng tạo lập hành vi học hỏi được trong vài giây như ở động vật. Quá trình nhận biết, học hỏi này sẽ nhanh hơn trong điều kiện ánh sáng thấp.

Các nhà khoa học vẫn chưa rõ cơ chế học hỏi và ghi nhớ của cây, nhưng họ nhận định: đó có thể do mạng lưới phát tín hiệu dựa vào calci trong các tế bào của chúng. Quá trình này được cho là tương tự như quá trình ghi nhớ ở động vật.

*

Những tháng cuối đời của cha tôi, vào những đêm trăng ông hay ôm đàn ra sân ngồi đàn hát một mình. Một hôm cha vừa đàn vừa hát: “Nắng chia nửa bãi chiều rồi/ Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu...Tay anh em hãy tựa đầu/ Cho anh nghe nắng trái sầu rụng rơi.” Tôi rất thích những câu, những chữ trong bài hát mà cha vừa hát. Mặc dù cha đang đau tôi vẫn năn nỉ ông đọc cho tôi chép bài hát này. Cha vui vẻ đọc và giảng cho tôi bài thơ “Ngậm Ngùi” của Huy Cận. Bài thơ được Huy Cận sáng tác vào năm 1940 để khóc thương, tiếc nuối người em gái vừa qua đời, mãi 20 năm sau 1960 Phạm Duy mới phổ nhạc.

Năm đó tôi 13 tuổi và vài tháng sau cha tôi ra đi.

Từ đó mỗi lần thấy hoa trinh nữ tôi lại thì thầm hát: “Nắng chia nửa bãi chiều rồi/ Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu...”

Xin nghiêng mình kính cẩn tưởng nhớ thi sĩ Huy Cận và nhạc sĩ Phạm Duy đã để lại cho đời một kiệt tác của thơ và nhạc.



CÂY RAU MƯƠNG

Hàng ngày làm cỏ trong sân tôi phải nhổ bỏ rất nhiều cây rau mương, nhất là vào mùa mưa. Rau mương mọc trong bồn cây, trong chậu hoa, trên lối đi. Ở một góc sân tôi để lại vài cây, tưới nước hàng ngày, cây lên khỏe mạnh, khi cao chừng nửa thước cây trở những đóa hoa bốn cánh màu vàng xinh xinh. Nhìn cây tốt tươi, chụp vài tấm ảnh, tôi nhớ “vật rau mương của mẹ”.

Ở Sài Gòn và có lẽ ở Nam bộ cây rau mương mọc nhiều, ở Huế quê tôi, rau mương là cây hiếm và ít người biết.

Tháng 3 năm 1957 Viện Đại Học Huế thành lập với các phân khoa: Sư Phạm, Khoa Học, Văn Khoa, Luật Khoa. Hai anh con cậu tôi từ Hội An ra Huế học. Anh Huỳnh Đắc Tân đậu vào Sư phạm Lý hóa khóa 1, anh Huỳnh Đắc Cường ghi danh vào đại học Văn Khoa. Đến năm 1959 viện mở chương trình dự bị Y khoa. Năm 1961 thành lập thêm trường đại học Y trực thuộc viện đại học Huế.

Anh Hai tôi thi đậu vào khóa 1 trường Y. Như vậy nhà tôi có ba người vào học khóa đầu tiên của Viện Đại Học Huế. Một người bạn hàng xóm của các anh chị tôi là cô Phùng Khánh cũng đậu vào trường Sư phạm ban Anh văn.

Phấn khởi, sung sướng, vui mừng vì con cháu học hành có kết quả, nhưng cha mẹ tôi vẫn không dấu được nỗi lo. Nhà đông người, cái ăn, cái mặc không phải là chuyện dễ dàng. Đôi lần mẹ tôi than thở: “thời buổi gạo hai lon”. Tôi không biết nhiều về giá cả gạo com, thực phẩm hồi đó, nhưng trong những năm tôi học lớp năm, lớp tư (bây giờ là lớp một, lớp hai) (1957, 1958) đã có lúc gạo trắng chỉ dành riêng cho bọn nhỏ chúng tôi. Anh chị lớn, cha mẹ và người làm trong nhà ăn một thứ gạo đỏ gọi là gạo xô, có khi ăn bắp hay khoai lang trừ bữa.

Càng khó khăn hơn khi anh Tân bị đau bao tử. Mẹ phải nấu riêng cho anh ấy mỗi bữa một om xôi nếp cũ. Trước mỗi bữa ăn tự tay mẹ bóp hột xôi xem thử chị bếp nấu đã chín tới chưa. Kỹ lưỡng là vậy nhưng thỉnh thoảng anh ấy vẫn lên những cơn đau xé ruột, quằn quại trên giường cùng câu than vãn: “Cóc kêu cạnh bụi tre ngâm/ Cóc kêu mượt cóc, tre dầm mượt tre”. Tuy vậy cha mẹ tôi vẫn một mực thương quý anh.

Để chữa bệnh cho anh cha tôi trồng một vạt rau mương sau nhà, khi rau lên độ hai tấc, chưa ra hoa mẹ tôi nhổ lên, cắt bỏ rễ, rửa sạch, phơi khô để dành hãm nước cho anh ấy uống. Cả nhà không ai được động đến vạt “rau mương của mẹ”.

Ăn xôi, uống nước hãm rau mương cơn đau của anh thưa dần và đã có lúc anh ấy leo lên cây đào ăn đầy bụng lúc đói mà không bị đau. Cha mẹ tôi vui vô cùng.

Học hết ba năm, ra trường anh ấy nhận nhiệm sở tại trường trung học Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi.

Vào Quảng Ngãi ăn com tháng, làm việc vất vả, bệnh cũ tái phát rồi bị biến chứng thủng bao tử, đồng nghiệp đưa vào bệnh viện cấp cứu, và nghe đâu được chuyển xuống tàu bệnh viện quân đội Mỹ phẫu thuật. Gần ba tháng sau anh ấy ra viện, được thuyền chuyển về trường Trần Quý Cáp Hội An.

Mẹ tôi vội vã vào Hội An cùng cậu tôi bàn chuyện cưới vợ cho anh (mẹ anh ấy mất trong chiến tranh). Chị Lưu Bích Trâm trở thành chị dâu họ của tôi. Anh chị xin chuyển vào Nha Trang lập nghiệp. Chị Trâm đã chăm sóc anh rất mực chu đáo (theo lời kể của anh Tân), anh ấy sống thọ trên 80 tuổi.

Vào những năm cuối thập niên 50 của thế kỷ trước, bệnh viêm dạ dày chưa biết rõ nguyên nhân nên việc điều trị rất khó khăn. Mãi đến năm 1982, Robin Warren và Barry Marshall mới phân lập được chủng vi khuẩn mới từ mẫu sinh thiết dạ dày của một bệnh nhân loét hành tá tràng và đặt tên là *Campylobacter pylori*. Năm 1983, các ông đã nuôi cấy thành công chủng vi khuẩn này và công trình nghiên cứu này được đăng trên tạp chí Lancet. Những nghiên cứu tiếp theo cho thấy *Campylobacter pylori* này khác hẳn với những *Campylobacter cũ* về đặc điểm sinh hóa học, do đó Goodwin và cộng sự đề nghị xếp vào giống *Helicobacter*. Tháng 6 năm 1989, Thompson phát hiện ra thành phần 16S RNA nhiễm sắc thể đặc trưng cho *Campylobacter pylori*, mà không có ở nhóm *Campylobacter cũ*. Từ đó *Campylobacter pylori* có tên là *Helicobacter pylori* (viết tắt: *H. pylori*).

Do tìm được nguyên nhân gây viêm dạ dày nên ngày nay việc điều trị bệnh dễ dàng hơn.

*

Rau mương còn có tên rau mương nằm, rau mương thon, rau lục, cỏ cuốn chiếu.

Tên khoa học: *Ludwigia Prostrate*.

Thành phần các hoạt chất chưa được nghiên cứu.

Rau mương có tác dụng thanh nhiệt giải độc, trừ thấp tiêu thũng, trị viêm ruột, viêm dạ dày, tiêu chảy, đắp ngoài da chữa mụn lở sưng đau.

*

Mùa hè năm 1968 anh Tân ra Huế tham gia hội đồng chấm thi, cùng năm đó tôi thi tú tài phân một. Trước khi rời Huế về lại Nha Trang anh ấy nói với tôi:

“Anh chắc là em sẽ đậu và đậu có thứ hạng. Khi chị ba thi đậu tú tài anh tặng chị ấy một chiếc xe Velosolex để chị ấy làm đẹp phố phường. Còn em anh tặng hai tập Hồng Lôu Mộng, em đọc để biết thêm về văn chương Trung Hoa”.

Đó là hai tập Hồng Lôu Mộng của Tào Tuyết Cần do Nguyễn Quốc Hùng dịch, nhà xuất bản Chiêu Dương ấn hành năm 1965 tại Sài Gòn.

Dưới ánh đèn dầu tù mù của những ngày sau tết Mậu Thân (1968), tôi đọc mê mẩn hai tập truyện này. Một cuốn tiểu thuyết có đến 448 nhân vật trong vương phủ họ Giả: Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa, Giả Nguyên Xuân, Vương Hy

Phượng... Những nhân vật xuất hiện dưới ánh đèn tù mù ngày đó và bây giờ vẫn còn ẩn hiện tù mù. Giả Bảo Ngọc, Chân Bảo Ngọc, giả và chân...

Ngày nay nhìn những đóa hoa rau muống màu vàng bé tí tôi nhớ cha mẹ, nhớ người anh họ của tôi vô cùng. Bao nhiêu chân, bao nhiêu giả trong cuộc sống hờ ba mẹ kính yêu! Bao nhiêu chân, bao nhiêu giả trong cuộc sống hiện tại hờ anh Tân thương quý!



CÂY RAU TRAI

Vào đông trời se se lạnh, chỉ cần khoác chiếc áo mỏng là đủ khi đi dạo. Vùng tôi ở thuộc địa phận ngoại ô thành phố nên tương đối yên ắng.

Buổi sáng khi nắng vừa lên, hai bên vệ đường cỏ dại còn ẩm sương đêm, một loài hoa nho nhỏ màu xanh da trời e ấp dưới những đám lá thon thon xanh mướt: hoa rau trai.

Nhớ hồi còn bé, trong vườn nhà tôi quanh năm có nhiều hoa đủ sắc màu: Hoa yên chi vàng, hoa trang đỏ, hoa cần trắng, hoa tường vi hồng, hoa lan đất tím, hoa thiên lý xanh non... Tôi đi tìm đóa hoa màu xanh da trời chỉ thấy có loài hoa nho nhỏ là hoa rau trai. Tôi yêu thích đóa hoa ba cánh mỏng màu xanh, nhụy vàng này.

Có lần tôi hỏi cha tại sao hoa trắng, hoa đỏ, hoa vàng, hoa tím có rất nhiều, nhưng hoa màu xanh lại rất hiếm, cha bảo: “Hoa màu xanh nói chung và màu xanh da trời nói riêng vốn hiếm xưa nay, cha đã đi nhiều nơi trên đất nước, hiếm khi gặp được hoa màu xanh dương, có lẽ do thổ nhưỡng và khí hậu”. Tôi hỏi ông cậu Mối (người làm vườn của nhà tôi), ông cậu trả lời: “Cháu nhìn lên trời, khi không có mây chỉ thấy một màu xanh gọi là màu xanh da trời, màu đó chỉ dành cho Trời, hoa cỏ hay muông thú hiếm khi có màu xanh này”.

Biết tôi thích hoa màu xanh, ông cậu trồng cho tôi mấy chồi hoa thiên lý. Cha rào một vuông đất nhỏ, trồng cho tôi vạt rau trai.

Tại sao hoa màu xanh dương lại hiếm? Có nghiên cứu cho rằng hoa mang sắc tố xanh hiếm một phần vì loại hoa đó rất khó sinh sản. Giống hoa này chỉ thụ phấn do côn trùng ong, bướm. Gió hay các tác động cơ học khác không giúp chúng thụ phấn được.

Lý do thứ hai là do hạn chế khả năng nhìn của mắt người. Các nhà khoa học cho rằng độ nắm bắt màu sắc của các tế bào hình nón ở võng mô mắt người tùy thuộc vào độ dài của bức xạ ánh sáng. Các tế bào hình nón ít nhạy với quang phổ xanh lam nên khó nhìn ra màu xanh này. Giả thuyết này theo tôi chưa thuyết phục lắm vì chúng ta vẫn nhìn thấy bầu trời rộng lớn, hay biển cả bao la có màu xanh dương đẹp vô cùng.

Có một giải thích khác cho rằng: Các loại hoa có màu đỏ, vàng, cam, trắng ít chịu tác dụng nhiệt của ánh sáng mặt trời phá hủy. Các loại hoa màu xanh dương dễ bị bức xạ ánh sáng thiêu cháy nên ít thấy xuất hiện. Nói một cách khác hoa màu đỏ, cam, vàng, trắng ít hấp thụ bức xạ của ánh sáng mặt trời nên chúng khó bị thiêu hủy, các loại hoa có màu xanh da trời hấp thụ nhiều ánh sáng nóng nên chúng dễ bị đốt cháy, vì vậy chúng có số lượng rất ít.

*

Rau trai luộc chấm nước ruốc kho, rau trai xào tỏi, rau trai nấu canh tập tàng... là những món ăn dân dã.

Những lúc đi dạo quanh vùng thảnh thơi tôi vẫn hái về một vài nạm rau trai, rửa sạch, xào tỏi, tôi ăn, nhớ mẹ, nhớ vườn xưa và có lúc đã rung rung. Tôi cũng không quên món xương heo hầm với rau trai của mẹ. Rau trai nấu như sên sệt xanh nghít lẩn trong mấy miếng giò heo chặt nhỏ, mẹ hầm cho cha những ngày mệt mỏi, lo âu, nóng nẩy.

*

Cây rau trai còn gọi là cỏ lải trắng, rau trai thường, thái lải trắng.

Tên khoa học: *Commelina communis* L.

Thành phần hóa học: Chất khô có: 21% cellulose, 12,8% tro, 7,8% protéin, 0,09% lipid. Trong cây tươi có: delphin, commelinin, flavocommelin, awobanin.

Cây rau trai có tính bình, vị ngọt có tác dụng giải nhiệt, chống viêm dùng điều trị viêm họng, viêm đường tiểu.

*

Ngày nay muốn có một bó hoa đẹp, một chậu hoa xinh xắn là chuyện không khó. Kỹ thuật trồng, ghép, lai giống hoa đã cho chúng ta nhiều chủng loại mới, đẹp và lạ cả về hình thức lẫn màu sắc, hương thơm. Nhưng màu xanh thiên thanh của đóa hoa trai nhỏ bé, xinh xắn, mộc mạc, hồn nhiên vẫn luôn quyến rũ tôi.



CÂY NHO DẠI

Bên kia hói là nhà của người chăn bò, ngôi nhà vách tôn mái lợp lá dừa, chỉ có một cửa ra vào và hai cửa sổ ở hai bên vách. Nói là cửa nhưng thật ra chỉ là những khoảng trống cắt từ mấy tấm tôn, nắng hay mưa chỉ cần thả một tấm bạt đã sườn màu. Tôi đã đến đó vài lần. Chủ nhân ngôi nhà là một công nhân, anh là thợ nguội của một công ty nay đã nghỉ việc ở nhà chăn bò trên đất bỏ hoang của cha mẹ mình.

Ngôi nhà của anh chăn bò đâu chừng 50 – 60 mét vuông nằm trong khoảng đất rộng trồng mấy luống rau lang, hai cây chanh, mấy cây trà hoa vàng, đất còn lại để cỏ ống mọc tự nhiên dành cho bò ăn.

Tôi chú ý đến một dải hàng rào ngay trước ngõ, dài chừng 2 mét trồng một loại cây lần đầu tiên tôi thấy: cây nho dại.

Tôi hỏi sao làm hàng rào ngăn vậy, anh cười vui vẻ nói: Vườn tược ở trong này không có hàng rào rõ ràng, con trồng một đoạn ngăn cây nho dại cho vui mắt vì nó có bông, có trái quanh năm, và lại khi nào bông da có vài lá để đắp.

Cây nho dại chỉ có ở miền nam, dân ở đây hay trồng nho dại cho leo lên chổi làm hàng rào. Thoạt trông, hàng rào nho dại giống hàng rào mồng tơi ngoài miền trung hay miền bắc: lá xanh, cọng tím, hoa trắng, trái tím đen. Anh chăn bò nói thêm: Đường ranh giới giữa các khu vườn ở trong nam không rõ ràng, các nhà ngầm phân biệt đất của mình và đất của hàng xóm qua các giò (vòng) cây hay các mương nước gọi là “mương ranh”. Nhìn tổng thể đất vườn nhà này nối tiếp nhà khác không có rào ngăn cách, trông thoáng đạt, rộng rãi, người dân qua lại dễ dàng, thân thiện. Hàng rào chỉ có ở mặt tiền giáp với đường làng.

Khác với miền nam, ở miền trung hay miền bắc, vườn nhà nào cũng có hàng rào chung quanh, giới hạn giữa các vườn rõ rệt.

Ở Huế trồng hàng rào bằng cây chè tàu (trà cộc rào). Chè tàu trồng ở hàng rào mặt tiền, hàng rào các lối đi. Hàng rào chung quanh trồng hóp, tre hay các loại cây có gai như mắc mề, keo tây, chùm kết.

Ở bắc trung bộ nhiều nhà trồng hàng rào bằng cây râm bụt (dâm bụt), một đôi nơi là cây ruối (đuối). Một dịp công tác ở Nghệ An, tôi đã ngắm mê mẩn những hàng rào cây đuối được cắt tỉa thật đẹp ở những ngôi làng cận sơn.

Làng Mỹ Lợi ở Huế có kiến trúc vườn giống với vườn ở nam bộ. Lần đầu tiên về Mỹ Lợi, tôi rất ngạc nhiên khi không thấy có hàng rào ngăn cách giữa các khu

vườn. Vườn nọ cách vườn kia bởi các ao nước hay các vòng cau. Do vậy không gian vườn ở đây thoáng đãng, thân thiết. Về sau có dịp quan sát các khu vườn miệt Lái Thiêu, Thạnh Mỹ Tây ở trong Nam tôi thấy làng quê Mỹ Lợi gần gũi với nam bộ nhiều hơn. Theo tôi vườn Mỹ Lợi là vườn nam bộ trong xứ Thừa Thiên - Huế.

*

Cây nho dại còn gọi là cây nho cong queo.

Tên khoa học Vitis Flexuosa Thumb

Rễ có vị ngọt, tính bình, có tác dụng trừ phong thấp, lợi tiểu, chống viêm, giúp tiêu hóa.

*

Hàng rào, hàng giậu của các vùng miền ở Bắc – Trung – Nam là một phạm trù rất rộng. Tôi chỉ ghi lại mấy điều nghe và thấy khi viết về cây nho dại.

Nhắc đến hàng rào, bờ giậu có lẽ nhiều người trong chúng ta không ai không nhớ đến những câu thơ:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi/ Cách nhau cái giậu mỏng tôi xanh rờn (Người hàng xóm – Nguyễn Bính), hay: Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu/ Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên (Thu – Xuân Diệu).

Và tôi rất thích một khổ thơ haiku của Basho do Nhật Chiêu dịch:

Ta nhìn sâu xa

Bên hàng giậu nở

Cành Nazuna



CÂY CHUA LẺ

Những ai ở nhà vườn, ăn rau vườn, không khỏi không nhớ đến một loại rau mọc hoang, mỗi năm chỉ có trong vài ba tháng mùa mưa, từ tháng tám đến tháng mười hai: Cây rau chua lẻ.

Tôi bắt gặp loại rau này trên bờ đê bao khi đi dạo. Cây mọc riêng lẻ, hoa từng búp nhỏ màu tím, lá màu xanh thẫm, nếm có vị chua do vậy gọi là cây “chua lẻ” chẳng? Cũng có nơi gọi là cây “chứa lẻ”.

Rau chua lẻ còn có tên: cây rau má lá rau muống, đề thảo, tiết gà, cỏ mặt trời, tam tróc, nhất điểm hồng, hồng bôi điệp, dương thảo đề.

Tên khoa học *Emila Sonchifolia*.

Thành phần hoạt chất: Stearin glycosil và một ít alcaloide

Cây chứa lẻ vị đắng, tính mát, có tác dụng thanh nhiệt, tiêu viêm, sát khuẩn dùng điều trị cảm cúm, viêm long hô hấp trên, viêm họng, viêm ruột.

*

Ngày còn ở với mẹ, mưa lâm thâm ra vườn hái rau đủ loại để nấu canh tập tàng, tôi luôn cố tìm cho được mấy ngọn rau chua lẻ để món canh thơm thơm mùi lá hẹ, và khi đưa đĩa rau vào miệng lại cảm nhận được vị chua chua, độ giòn giòn của rau.

Rau chua lẻ luộc chấm với nước ruốc kho ớt xanh là món đặc sản mà chị em tôi luôn nhớ về. Rau chua lẻ còn là một loại rau ăn ghém với các loại rau sống khác khi ăn thịt phay tôm chua.

*

Canh tập tàng là món ăn có cả ở ba miền đất nước. Mỗi nơi nấu với nhiều loại rau khác nhau tùy từng vùng miền. Ngoài những thứ rau chính như bồ ngót, mồng tơi, dền, rau lang, rau má ...miền Bắc còn có thêm rau đay, rau sam. Miền Nam có thêm rau ráng, rau choai, đọt ớt. Miền Bắc nấu với cua đồng. Miền Trung nấu với tôm. Miền Nam hay ăn tập tàng luộc.

Ở Huế canh tập tàng ngoài các thứ rau trồng trong vườn: bồ ngót, mồng tơi, dền, má, lang, bát bát, còn có các loại rau mọc hoang khác. Những thứ rau mọc hoang theo mùa này giúp đội canh có mùi vị riêng: Mùi thơm của lá sung, lá lốt hoặc vài ngọn lá cỏ hôi. Vị chua của rau chua lẻ. Vị đắng của mã đề. Giòn của rau rìu rau éo. Dẻo của tàu bay, bồ công anh.

*

Gặp lại cây rau chua lẻ với những nụ hoa tím tím nho nhỏ, tôi như gặp lại hình ảnh những bữa cơm cùng mẹ cha mỗi trưa mỗi chiều:

Cá trê nướng, nước mắm gừng

Canh rau tập tàng, cá bóng kho tiêu

Cơm trưa, cháo sáng, cơm chiều

Cơm bao nhiêu hạt bấy nhiêu nồng nàn. (ca dao)



CÂY CAM THẢO ĐẤT

Bắt gặp cây Cam Thảo Đất trong một buổi chiều đi dạo trên đường đê, loại cây có lá nhỏ xanh ngất, lấm tấm bông màu trắng có tua nhụy cũng màu trắng, tôi vui vì gặp lại loài hoa như một người bạn nhỏ thời ấu thơ.

Cam Thảo Đất mọc hoang ven bờ sông sau vườn nhà, mẹ tôi không nhỏ bỏ đi, bà vun gốc, ủ phân, cây nở hoa, đầm cảnh xanh ngất một vùng. Khi anh chị em chúng tôi bị cảm sốt, ho hen mẹ lại nấu nước Cam Thảo Đất đã sao củ thổ (*) cho chúng tôi uống. Nước Cam Thảo Đất sao củ thổ có vị ngọt, nồng nồng giống vị Thạch Xương Bò khô. (Thạch Xương Bò là một loại cỏ mọc ở đầu nguồn sông Hương, đem lại mùi thơm cho dòng sông này – theo “Hương Giang Hành” của Vân Bình – Tôn Thất Lương: “Cỏ thơm có giống Thạch Xương Bò/ Sông ở hai nguồn tả hữu trạch/ Hơi thơm đầm nước nước trong veo/ Hợp thành sông thơm chảy róc rách...”)

*

Cam Thảo Đất còn gọi: Cam Thảo Nam, Dã Cam Thảo, Thổ Cam Thảo,

Tên khoa học: Scopariol DulisL

Vị ngọt, tính mát.

Thành phần hóa học: Ameline, Acid silisic, Manitol, Duciol, glucose...

Tác dụng điều trị: Nhuận phế, thanh nhiệt, giải độc, mát gan, lợi tiểu.

Hoa Cam Thảo đất có mùi thơm nhẹ về chiều và đêm, rất dễ trồng, phát triển mạnh nơi quang đãng.

*

Mùa dịch bệnh, chiều chiều nhìn qua màng sương, dáng mẹ nơi góc vườn lom khom tìm nạm lá xông, hái nhúm rau tần giải nhiệt lại thấp thoáng đầu đây. Mẹ ơi! dịch bệnh đang hoành hành.

(*) Sao cử thổ: dùng trạch rang thuốc cho tới vàng nâu rồi úp trạch trên một tờ giấy tinh trái trên nền đất chờ cho thuốc nguội, đem chưng hay sắc.



HOA XUYỀN CHI

Hồi còn ở Đà Nẵng, sau những buổi làm việc căng thẳng, chúng tôi cùng nhau đi dã ngoại. Đường tắt từ Đà Nẵng đi Hội An qua ngã Non Nước đẹp vô ngần. Con đường nhỏ đắp đất sỏi, hai bên đường với hàng hàng, lớp lớp xuyên chi trắng và băng khuâng tím, những nương vườn xanh mượt trồng cau, trồng cây ăn trái đủ

loại nối tiếp nhau. Xa xa những mái tranh với khói lam vương vấn. Hình ảnh làng quê yên bình với không khí trong lành, đến nay đâu dễ gì tìm lại được.

Mấy ngày nay cầm máy ảnh đi chụp hoa xuyên chi, tôi nhớ vô vàn con đường Non Nước – Hội An. Con đường này bây giờ không còn nữa, thay vào đó là những khu nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp, chúng che khuất tầm nhìn ra biển, nó thải nước đen vào các bãi tắm, nó chỉ dành riêng cho một số người giàu có.

*

Đi lại nhiều lần trên đường đất đỏ ven đê, tôi muốn tìm những đóa xuyên chi hàm tiếu, đi buổi sáng, đi buổi chiều cũng chỉ thấy những bông hoa đã nở hoặc những nụ hoa còn búp. Những đóa xuyên chi nhỏ xíu nở bung hết cánh mạnh mẽ, những nụ bông úp kín, hay vài cánh hoa tàn úa, héo rũ đeo bám mảng nhụy màu đen. Tuyệt nhiên không thấy đóa xuyên chi hàm tiếu nào. Hoa xuyên chi giấu đi thuở thẹn thùa chớm nở của mình.

Loài hoa đáng yêu này đã bị “kịch bản đô thị hóa” đẩy dần đến nơi không còn đất để sống.

*

Trong thiên nhiên, nhìn nụ lai hê nở: mùa hè đang về, ngọn cúc đơm nụ: gió thu sắp sang. Hải đường ẩn hiện trong khóm lá xanh: mùa đông đang đến và khi hoa mai khoe sắc là mùa xuân sang.

Màu sắc hoa lá, cây trái tự nhiên là dấu hiệu thay đổi của thời gian. Cảm nhận thời gian qua cây cỏ lá hoa là một điều thú vị vô cùng.

Có hôm đi trên một đoạn đường dành riêng cho người đi bộ, nơi này tôi thấy hoa trang đỏ, nơi kia tôi thấy đóa cần vàng, góc cầu chùm tử vi nở rộ, cuối bậc cấp mấy đóa túy điệp hồng, các loại hoa trồng, chăm sóc sao cho lúc nào cũng có hoa bằng những “kỹ thuật xâm lấn”, tôi có cảm giác như mình đang dạo chơi trong hòn non bộ, không biết mình đang ở mùa nào và cũng không biết mình đang thưởng thức hương hoa nào?

*

Xuyên chi là loài hoa không độc, ngược lại xuyên chi còn là loài cây hút độc. Có một vài nghiên cứu trồng hoa xuyên chi quanh khu công nghiệp, môi trường không khí chung quanh sẽ bớt độc hại.

Hoa xuyên chi còn có tên là hoa quỷ châm, đơn kim, hoa cúc áo, cỏ xuyên, song long nha.

Tên khoa học: *Bidens Pilosa*.

Thành phần hóa học: Nước 9,8%, Mn 2,2%, Mg 2,3%, Ca 1,1%, phospho 1,6%, Cr 1,2%, Fe 0,02%, Zn 0,03%, Aceton 2,8%, Methanol 8,6%.

Theo đông y, *xuyên chi* có vị đắng, ngọt nhạt, hơi cay, tính hàn giúp thanh nhiệt, giải độc, sát trùng.

Dùng trong điều trị: mề đay, da nổi mẩn ngứa, đau răng, đau mắt, viêm họng, vết thương tụ máu, sát trùng vết cắn côn trùng.

*

Cuối bài viết xin được trích một đoạn ngắn trong bài: “Hoa nhài và ô liu” của Hamvas Béla – Hồng Nhung dịch trên báo diendan.org: “Kinh nghiệm đầu tiên thật đặc biệt. Tôi cứ tưởng người làm vườn và người làm ruộng am hiểu nhiều về thiên nhiên. Không đúng. Nghệ sĩ là kẻ thấy thiên nhiên nhiều nhất. Người làm vườn không ngắm cây mà ngắm sản phẩm. Không bận tâm đến quả cà chua, quả bầu, dưa chuột, nho theo kiểu nghệ sĩ. Sinh linh không quan trọng mà lợi nhuận mới quan trọng”...



HOA BÂNG KHUÂNG

Một buổi sáng đi dạo, cuối con dốc tôi bắt gặp những cánh hoa màu tím nho nhỏ, xinh xinh, nhánh thấp, nhánh cao chờn vờn trong gió. Vội vàng chụp vài tấm ảnh loài hoa yêu thích từ hồi còn bé, nay mới có dịp gặp lại, hoa băng khuâng. Một tấm, hai tấm, nhìn không rõ nét, chụp lại tấm thứ ba, máy hết pin. Ra về lấy làm tiếc, tự hẹn rằng ngày mai mình sẽ trở lại chụp thêm mấy tấm.

Nhưng rồi ngày mai, ngày mốt, ngày kia, ngày kia, ngày kia... tôi vẫn chưa đi được.

Hoa băng khuâng nhắc tôi nhớ một ngôi nhà trong Thành nội - Huế, trên đường ven bờ hồ thành gần cửa Chánh Đông: Ngôi nhà của vợ chồng chị Tổ Lan, anh Đặng Thanh. Hai anh chị là thành viên của nhóm Hướng Thiện. Cũng như tôi, anh chị thường đạp xe theo bác Phạm Đăng Siêu đi quyên và phát gạo, áo quần cũ cho những người khốn khó.

Ngôi nhà cấp bốn đó xây theo kiểu ba gian hai chái, vườn khá rộng có hàng rào ngăn các lối đi không trồng bằng cây chè tàu theo cung cách Huế, mà trồng hoa băng khuâng. Những hàng băng khuâng quanh năm có hoa tím, được cắt tỉa ngay hàng thẳng lối. Ở chính giữa sân là bức bình phong cao chừng 1,5 mét, phía trên là hoa lài trắng, phía dưới là hoa tím băng khuâng. Bức bình phong lạ mắt và đẹp hài hòa với ba màu: xanh của lá, tím và trắng của hoa càng tăng vẻ đẹp giản đơn, thơ mộng của ngôi nhà.

Anh chị là người bắc di cư, họ không có con, bà con cũng không thấy có ai. Đi hành thiện anh chị vui vẻ với mọi người nhưng chuyện nhà ít đề cập đến. Hình như họ chỉ có hai người. Ngoài ngôi nhà xinh xắn, anh chị còn quản lý một xưởng nhỏ làm bánh đậu xanh với chừng năm người thợ. Bánh đậu xanh ướt, bánh đậu xanh khô của anh chị rất ngon. Mẹ tôi thường đặt mua làm quà cho bà con bạn bè khi đi đâu đó.

Mùa xuân Mậu Thân (1968) anh bị bắt, rồi không thấy về, lý do là chủ “nhà máy tư bản to lớn”.

Buồn bã chị bán nhà, bán xưởng bánh vào Sài Gòn, mua một ngôi nhà nhỏ gần bờ sông ở Bình Quới, nhận nuôi một bé gái mồ côi làm con. Hàng ngày chị muối dưa cải, dưa cà, bày dưa trong hai cái thau lớn để trước cổng, bán cho người quanh xóm.

Có lần vào Sài Gòn công tác, đi thăm chị, thấy hai bụi bông khuâng trong sân trước nở rộ, tôi nói:

– Chị đem được hoa bông khuâng vô trồng thích thật. Chị cười hiền hòa nhìn tôi nói:

– Hoa mạch lạc này chị xin của một người quen quê miền Tây. Tôi nhìn lại rõ ràng là hoa bông khuâng sao lại gọi hoa mạch lạc. Biết tôi thắc mắc chị vội giải thích:

– Hoa bông khuâng còn gọi là hoa mạch lạc. Từ bông khuâng rất hay nhưng làm chị nhớ người xưa, chốn xưa. Chị đặt tên cho con gái là Mạch Lạc để nhớ một loài hoa ngày cũ.

Năm 1994 vào Sài Gòn học chuyên khoa, tôi đến thăm chị, biết được tin buồn cháu Mạch Lạc học xong trường Y, đi thực tế tại miền Tây đã gặp nạn không còn, cháu bị đuối nước. Nhà hiện có một sinh viên trường luật, cháu kêu chị bằng cô từ quê vào ở trọ cho có tiếng có tăm. Buồn bã ra về, tôi hứa với chị sẽ đến chơi nhiều hơn những khi vào Sài Gòn.

Thế rồi cũng ngày mai, ngày một, ngày kia, ngày kia ngày kia... tôi vẫn chưa đến thăm lại chị.

Năm 2008 sau nghỉ hưu, chuyển hẳn vào Sài Gòn, tôi đến thăm người chị trong nhóm Hướng Thiện ngày nào, nhà đã đổi chủ, ngồi lại nhà hàng xóm kế bên, qua lời của chị bạn người Huế tôi được biết: Trong lúc dọn dẹp cửa nhà vào dịp cuối năm, tình cờ chị bắt được những bức thư của đứa cháu trai và bà chị dâu trao đổi qua về, những bức thư có nội dung muốn hại chị để chiếm ngôi nhà, chị âm thầm bán nhà vào nương nhờ cửa Phật.

Tôi hỏi thăm bây giờ chị ở chùa nào, người bạn cho biết chị âm thầm ra đi không từ biệt một ai.

*

Cây bông khuâng còn gọi là cây đuôi chuột, diêm thông, bôn bôn, đũa bép, cỏ đuôi lươn, mạch lạc, hải tiên, giả mã tiên.

Tên khoa học là *Stachytarpheta Jamaicensis*.

Thành phần hoạt chất: Glycosid satchytarphin, 7-apigenol, 7-glycosid, alcaloide.

Cây bông khuâng có vị đắng, tính hàn có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, lợi tiểu.

*

Sài Gòn ngày mùa đông trời u ám, tôi nhớ hoa băng khuâng, nhớ Mạch Lạc, nhớ những con đường ven bờ hồ thành, nhớ cửa Chánh Đông, Chánh Tây... Nhớ mưa, nhớ sương, nhớ gió... nhớ bánh đậu xanh khô, bánh đậu xanh ướt.

Chị Tổ Lan ơi, không biết chị sinh giờ nào, ngày nào, tháng nào, năm nào mà u buồn đến thế. Nhánh hoa Băng Khuâng hay làm thơ ngày nào đi về đâu? Mong rằng nơi cửa Phật chị hóa giải mọi nỗi niềm.

Chị ơi: “Dù rằng một chữ cũng thơ/ Dù rằng một thoáng cũng thừa xót xa/ Dù rằng một cánh cũng hoa/ Dù rằng một nửa cũng là trái tim/ Dù không nói dù lặng ... (*)

(*) Dù Rằng – thơ Nguyễn Bính



HOA CỎ HÔI

Hoa cỏ hôi, loài hoa dân dã, bình dị có lẽ ai cũng biết. Những cánh hoa cỏ hôi lẻ loi bên đường không gây chú ý cho một ai đi qua, thế nhưng tôi đã ngẩn ngơ trước vẻ hoang dại, man mác buồn của những vạt cỏ hôi trên những trảng cát trắng lẫn mùi thơm riêng biệt của hoa trong một lần đi cứu trợ ở làng An Bằng – Huế trong chiến tranh năm 1972 (Năm 1972 tôi theo đoàn Caritas và hội Hồng Thập Tự Huế đi phân phát gạo, thực phẩm cho dân làng An Bằng).

Từ sau chuyến đi gian nan đó, mỗi lần nhìn thấy hoa cỏ hôi tôi vẫn thường dừng lại ngắm nghía. Tôi đã chụp vài tấm ảnh loại hoa này quanh nơi tôi đang sống.

Hoa cỏ hôi có tên không được hay và đẹp, nhưng những người làm vườn như chúng tôi khi làm cỏ không vứt bỏ một ngọn nào. Cuối vườn nhà tôi ngày đó có hai hố phân: Một hố phân sạch và hố phân tạp bì lù. Hố phân sạch dùng để bón cho các cây hoa, bụi chuối, cây ăn trái trồng cho việc cúng Phật, cúng ông bà tổ tiên. Hố phân này chỉ gồm các loại cỏ và lá: đa phần là cỏ hôi, ngoài ra còn có lá cây

chay, xơ dừa, hoa cau, rong, bèo vớt từ sông. Hô phân tạp bì lù thì gồm tất cả đồ phế thải của nhà bếp, phân gà, phân heo, hô phân này để hoai rồi bón cho rau, hoa chơi cảnh, cây ăn trái không dùng trong cúng kiếng.

Cư dân thôn Vỹ Dạ ngày đó đa phần theo đạo Phật và thờ cúng ông bà. Trong thôn có đến ba ngôi chùa: chùa Phước Huệ, chùa Pháp Hải, chùa Ba La Mật và một ngôi đình làng. Do vậy nhu cầu hoa và trái cây sạch để cúng không thể thiếu, mặt khác trong việc cúng kiếng, người dân ở đây còn có quan niệm “quí hồ tinh bất quí hồ đa” nên nhà nào cũng tự trồng hoa, trồng chuối, trồng cau trầu và vài thứ cây ăn trái như măng cầu, sa bu chê, quít, mùa nào thức nấy để cúng Phật mỗi ngày rằm, mùng một, hoặc trong các dịp cúng giỗ, kỵ chạp hằng năm.

Mùi của hoa cỏ hôi hăng hắc khiến nhiều côn trùng có hại xa lánh. Những luống rau lang ăn lá nếu trồng kèm vài gốc cỏ hôi sẽ không bị sâu rầy. Những chồi đậu ve, đậu ngự để vài gốc cỏ hôi chung quanh cũng tránh được loại rầy đỏ hại trái.

Lá cỏ hôi hay lá thâu đầu già nhuyển lọc lấy nước là thứ thuốc trừ sâu rầy rất công hiệu cho hai loại hoa quí ngày tết là cúc đại đoá và lê trắng.

Nấu canh tập tàng bỏ thêm vài ngọn cỏ hôi, đợi canh có mùi vị dân dã đặc biệt thơm ngon. Luộc rau tập tàng thêm vài ngọn cỏ hôi cũng có vị lạ như vậy.

*

Cây cỏ hôi còn gọi là cây cắt lợn, cây bù xít, thăng hồng kế, hoa ngũ vị.

Tên khoa học: *Angeratum Comyzoides*

Thành phần hoạt chất: tinh dầu, alcaloide, saponin

Theo đông y, cây cỏ hôi có vị cay, hơi đắng, tính mát; có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tiêu sưng; thường được dùng chữa viêm họng do lạnh, chữa rong huyết cho phụ nữ sau sinh, viêm đường tiết niệu ...

Tinh dầu cỏ hôi còn gọi là tinh dầu bù xít dùng để chữa viêm xoang.

*

Trong chuyến đi cứu trợ làng An Bằng năm đó, hình ảnh những vạt cỏ hôi hoa tím nho nhỏ mọc trên những bãi cát trắng phau cạnh những bụi xương rồng lưỡi gai màu xanh bạc, những chồi tranh xơ xác trên bãi biển, những chiếc ghe cá nằm trơ trên đụn cát, những đứa trẻ suy dinh dưỡng bị ngộ độc khi ăn cây xương rồng, đến lúc này vẫn còn lúc ẩn lúc hiện trong mảng ký ức của tôi.

Ngày nay trở lại làng An Bằng, những ngôi nhà ngói thềm cao, cửa lớn, rào giậu khang trang nằm san sát nhau. Đặc biệt khu nghĩa trang hoành tráng, với những lăng mộ tháp nhọn, tháp tròn xây gạch men, đắp nổi hình rồng phụng bằng những mảnh sứ vỡ, màu xanh màu đỏ màu hồng... Nơi đây đã trở thành “Thành phố ma”, “Thành phố của người chết”, “Khu biệt thự của người chết”, “thiên đường lăng mộ”...theo cách gọi của một số phóng viên nhà báo.

Có lẽ làng An Bằng là làng có nhiều người vượt biên nhất tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Trước đó làng An Bằng vốn là một làng chài nghèo sống bằng những chuyến đánh bắt gần bờ. Sau năm 1975 hầu như nhà nào cũng có người vượt biên, định cư ở nước ngoài, đa phần là tại Mỹ. Hàng năm những người định cư ở nước ngoài này gửi tiền về cho thân nhân. Ngôi làng nhanh chóng thay da đổi thịt từ đó.

Sửa sang nhà cửa, xây lăng đắp mộ cho bằng chị bằng em, cho cao hơn chú hơn bác là những gì mà người ở đây đã và đang thực hiện.

*

Nhớ và nghĩ lại tôi tự hỏi: Tại sao không để ông bà mình nằm giữa những vạt hoa cỏ thơm mát? Tại sao không để ông bà mình nằm giữa những rừng phi lao nghe gió biển vi vu thổi? Tại sao lại nhốt ông bà dưới những hầm mộ tối tăm, đè nặng bởi những tảng bê tông nóng bức?

Và rồi, tôi vẫn nhớ về những trảng cát trắng đầy hoa cỏ hôi ở làng An Bằng ngày nào, vẫn yêu quý loài hoa dân dã này.

Xin đừng biến nông thôn thành phố thị dù bất cứ lý do gì. Xin đừng biến những nghĩa trang xanh thoáng đầy cây cỏ thành “thành phố ma”.



HOA MÀN TRẦU- HOA CỎ MỤC – HOA YÊN CHI

Cỏ màn trầu, cỏ mục, bông yên chi là những hoa cỏ thân thiết với tôi thời con gái. Những lá, những bông, những trái đó xin kể các bạn nghe về một thời đã qua.

1/ Cỏ màn trầu trong vườn xưa mọc từng đám nơi này nơi kia, cha mẹ làm cỏ không bao giờ nhổ hết, ông bà chừa lại vài đám để dành nấu nước cho chị em chúng tôi gội đầu.

Ngoài chùm kết chanh, hàng tuần mẹ tôi còn cắt bông màn trầu, vo nát, đun sôi, lọc bỏ bã, lấy nước cho chúng tôi gội đầu.

Nước cỏ màn trầu có mùi hăng hăng, gội đầu vô ý chảy vào mắt không gây cay và xót như nước chùm kết. Mẹ tôi hay nói: Chịu khó gội tóc bằng nước màn trầu tóc sẽ xanh mượt, không gãy hay chẻ ngọn, mai nữa khi già tóc sẽ chậm bạc. Mẹ nói đúng vì nhìn tóc mẹ, người đàn bà có mười lần sinh nở nhưng tóc vẫn đen nháy, bôi thành một bôi lớn sau gáy gọn gàng khỏe mạnh.

2/ Cây cỏ mục là cỏ dại mọc nhiều ở vùng đất ẩm. Trong vườn nhà tôi ngày đó cỏ mục mọc hai bên lối đi xuống bên sông. Mẹ vẫn thường tưới nước sạch cho đám cỏ tưởng chừng như vô dụng này. Mỗi sáng bà hái một nắm chừng mười lăm lá, rửa sạch, ngâm nước muối loãng, tối đến vò nát đặt giữa hai tấm giấy quỳn kèm theo một lát nhỏ hành hương (hành tím) xắt mỏng, đắp lên mắt cho chị em chúng tôi trước khi đi ngủ khoảng mười phút. Sáng hôm sau dù học khuya mệt mỏi, nhưng mắt vẫn trong xanh, và bờ mi lại “ươn ướt mọng mị”

3/ Bông yên chi trồng cạnh các bậc cấp quanh nhà, lá xanh, bông hồng nhìn thật vui mắt. Mẹ trồng những luống bông này để làm đẹp cho năm chị em chúng tôi.

Yên chi có bông rải rác quanh năm và kết trái vào mùa hè.

Những cánh hoa màu hồng được giã nhuyễn, dùng vải tào tằm gói bó vào hai gót chân mỗi đêm khi ngồi học, mẹ thường nói “con gái phải giữ gót son hồng”.

Trái của bông yên chi khi già chứa một thứ phấn màu trắng, mẹ hái trái mỗi mùa, lột bỏ vỏ đen, gom phần phấn trắng bên trong để dành trong những chiếc lọ thủy

tin nhỏ. Ngày hè nắng nóng hoặc những ngày có gió Lào, da bỏng rát, chúng tôi được xoa mặt bằng thứ phấn trắng này giúp giữ ẩm, bảo vệ da.

*

Tôi là đứa con gái trốn ngủ trưa, chui hàng rào từ vườn này qua vườn kia vọt bướm, hái hoa, ăn trái dại, tóc lúc nào cũng cháy hoe. Tắm sông, tắm bên, lặn hụp tôi gọi đầu chỉ với chút xà bông giặt, đôi lúc tỏ ra khó chịu khi mẹ bắt phải thế này thế kia. Nhưng rồi, lớn thêm vài tuổi, thấy mẹ nhọc nhằn, lo lắng cho mình, để mẹ không buồn lòng, tôi đã làm theo tất cả những gì mẹ bảo ban nhưng thâm tâm không thích lắm.

Mẹ thường hay nói với chị em chúng tôi: “Cây cỏ trong vườn có sẵn, làm siêng một chút để tóc da đẹp thêm, nhưng con ơi, miệng sẽ đẹp hơn khi nói lời hay lời thật, mắt sẽ đẹp hơn khi nhìn được nỗi đau của người khác”.

Chị em chúng tôi đã lớn lên cùng nhau bên mẹ như thế. Rồi theo tháng năm chúng tôi chia tay, mỗi người theo những lối rẽ của riêng mình.

Chị hai đi làm việc xa nhà, mẹ không quên vài ba tháng gửi cỏ mần trầu khô cho chị gội tóc. Phấn yên chi cho chị xoa mặt.

Chị ba lấy chồng, vài ba tháng về thăm nhà, mẹ gói cho nào là cỏ mần trầu, nào là lá cỏ mực khô, nào là phấn hoa yên chi thơm nhẹ nhàng.

Rồi mẹ ra đi, chị em chúng tôi bơ vơ, mần trầu, cỏ mực, yên chi... ngủ quên trong vườn. Nắng mưa theo nhau xóa mờ tất cả.

Bên tai tôi có những đêm vọng về câu hát “.../ Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào/...Tình Mẹ dâng tới trắng ngàn đứng lặng để nghe/ Lời ru xao xuyến núi đồi suối rừng rặng tre/ Sóng ven Thái Bình im lìm khi tiếng Mẹ ru... (bài hát Lòng Mẹ của Y Vân).

*Ghi chú thêm:

– Cỏ mần trầu còn gọi là cỏ vườn trầu, cỏ chỉ tía, ngưi cân thảo, sam tử thảo, tất suất thảo, cỏ đáng, cỏ bắc.

Tên khoa học: Eleusine Indica.

Mần trầu dùng toàn cây tươi hay khô. Có vị ngọt, hơi đắng, tính mát, Bổ huyết, hành huyết, lợi tiểu, giải độc, mát gan. Dùng ở các trường hợp hư tổn, chương bụng, tiểu tiện không thông, phong thấp, sốt rét, sốt, gan nóng, huyết áp cao.

– Cỏ mực còn có tên nhọ nồi, hạn liên thảo, kim lăng thảo.

Tên khoa học là *Eclipta prostrata*.

Hoạt chất gồm: flavoide, Wedelolactone, vitaminK, tanin caroten.

Cỏ mực có tác dụng kháng khuẩn, điều trị rối loạn tiêu hóa, táo bón, cầm máu.

– Hoa Chi còn gọi là hoa phấn, sâm ót, hoa bốn giờ.

Tên khoa học: *Mirabilis Jalapa*.

Hoạt chất hóa học: Rễ chứa trigonelline và một cacbohydrat khi thủy phân cho galactose và arabinose. Ngoài ra rễ củ của cây có chứa chất nhựa tủy, 3% resin.

Ngoài ra còn có các chất phytoconstitu như triterpenes và flavonoid.

Tác dụng điều trị: Kháng khuẩn, ức chế cơ trơn.



HOA MUỒNG TRÂU

Bên kia vạt cỏ trước nhà tôi những ngày cuối năm bừng sáng một khoảng trời bởi màu vàng tươi thắm của cây muồng trâu. Không biết cây có từ bao giờ, từ khi dọn về ở nơi đây tôi đã thấy nó.

Cha tôi từ kháng chiến trở về, chuyên tâm làm vườn, vui thú điền viên, mẹ tôi quanh năm chợ đồ lặn lội buôn bán nuôi chồng, nuôi con. Nhưng rồi mọi chuyện không được yên vui như vậy, cha phải đi làm. Ông vào làm thư lại tại quận Tiên Phước Quảng Nam. Tại đây ông ở nhờ nhà một lương y. Vị lương y này tự trồng cây thuốc, tự chế biến, khám và chữa bệnh cho dân quanh vùng với tâm nguyện

“làm phúc”. Ai cho gì cũng nhận, biếu ít tiền cũng xong, không trả gì cũng không sao.

Vốn thích cây cỏ, mỗi cuối tuần về thăm nhà, ông đem giống các cây thuốc này về trồng trong vườn nhà mình: Nào là tam thất, sâm đại hành, hy thiêm, khổ sâm, nhân trần, muồng trâu... Cây muồng trâu tỏ ra hữu ích nhiều, cư dân quanh xóm thường vào xin lá về điều trị bệnh ngoài da hay rối loạn tiêu hóa.

Màu vàng của hoa muồng trâu thay đổi theo mùa, theo thời tiết nắng mưa, tùy buổi sáng, buổi chiều hoặc đêm trăng.

Những chiều mùa đông, trời lạnh, hoa muồng trâu có màu nghệ thắm làm tôi nhớ đến màu y của một vị tỷ kheo ở Thiên Lâm Tự trên đồi Quảng Tế - Huế năm xưa: tỷ kheo Thích Hộ Nhân thường gọi một cách thân thương là sư Thiện.

Tôi đến Thiên Lâm Tự mỗi ngày rằm, mừng một hàng tháng cùng mẹ để nghe sư thuyết pháp. Tại đây tôi được học về: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, được sư giảng giải cho nghe về Bi Trí Dũng và thế nào là Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi... Tại đây tôi cũng đã gặp được các vị cư sĩ là bạn của mẹ tôi: Bà Bó, tôi không nhớ tên nhưng biết bà là chị ruột của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, cháu nội cụ nghệ Văn Đình Dương Khuê, bà Lê Khắc Duyệt, bà phán Triêm..., tôi còn được các bà chỉ dẫn về lời thưa, tiếng gọi, cách cắm hoa, làm bánh cúng Phật.

Sư Thiện tu theo hệ phái Theravada, nhưng sư ăn chay, đi khát thực quanh vùng đồi núi Nam Giao, tín hữu cúng đồ mặn ngài chia lại cho trẻ con quanh vùng.

Một đôi lần tôi theo mẹ lên đồi sớm chờ cúng dường bình bát cho sư. Hình ảnh vị sư choàng tấm y vàng nghệ cũ kỹ, đi chân đất tay ôm bình bát, đầu trần, chậm chậm đi từng bảy bước một trong sương mờ còn lưu giữ mãi trong tôi cho đến tận ngày nay.

*

Vào một sáng mùa xuân, chị em chúng tôi trở lại thăm chùa xưa. Thiên Lâm Tự đơn sơ ngày xưa nay đã trở thành ngôi chùa nguy nga, tráng lệ. Chánh điện rộng rãi, nền lát gạch men màu vàng bóng lộn, bệ thờ đèn nháy xanh đỏ rực rỡ, chuông mõ to lớn hơn. Bên cạnh đó có một bực cao đặt tượng sư Thiện bằng sáp. Trông bức tượng không giống vị sư ngày xưa của tôi, vì thân tượng mập mạp, mặt tượng phương phi. Sư Thiện ngày xưa gầy ốm, khắc khổ hơn nhiều. Quanh ngôi chánh điện còn có hai dãy nhà trai cũng rộng rãi, sơn vàng sáng chói. Cánh rừng thông quanh chùa như hẹp lại bởi các tháp thờ, lăng mộ, đồi hoa, cổng chào.

Tại đây tôi gặp vị trụ trì mới (Sư Thiện qua đời do một tai nạn giao thông, ngài bị xe tông khi đi khất thực), vị sư trẻ chưa quá 50, quần y vàng may bằng một loại vải mềm sáng loáng. Vị sư tiếp chúng tôi:

– Mô Phật đạo hữu từ mô lại?

Chị tôi, một Phật tử thuần thực chấp tay thưa:

– Mô Phật chúng tôi từ xa về.

Trong lúc chị tôi và vị sư trẻ nói về chuyện trùng tu chùa, về cây cỏ, hoa lá chung quanh, tôi đi lui đi tới trong sân ngắm các chậu cảnh đủ các thứ hoa: Sứ, sim, mai, đào... Tôi nhớ vị sư già trong căn cốc đơn giản của ngài ngày xưa, tôi chen ngang câu chuyện của hai người:

– Bạch sư, sư thường thuyết pháp vào ngày nào trong tháng?

Vị sư không trả lời câu hỏi của tôi mà nói qua chuyện khác:

– Người em của sư là phó chủ tịch phường này.

– Hàng ngày sư đi khất thực quanh vùng, sư thấy dân chúng có no đủ không? Tôi hỏi tiếp:

– Mẹ và em gái của sư đã lên ở đây, nấu ăn cho sư hàng ngày. Vị sư trả lời tiếp.

Nghe vị sư trẻ trả lời, tôi ngẩn ngơ. Níu tay chị, tôi tỏ ý muốn về.

Chị tôi e chừng còn muốn ở lại tham quan thêm, nhưng tôi nói tiếp:

– Mình về thôi chị.

Không để cho chị chào từ biệt “vị trụ trì” tôi kéo chị vội vã lui ra.

Chị và tôi đi xuống những bậc cấp dài, màu y vàng cũ kỹ ngày xưa đâu mất rồi!

*

Cây muồng trâu còn có tên muồng lác, cây lác.

Tên khoa học: *Senna Alata*

Cây muồng trâu có vị đắng, tính mát, mùi hắc nhẹ, lá vị cay ấm. Phần thân, quả, lá, cành của cây muồng trâu đều được sử dụng để bào chế thành thuốc.

Theo nghiên cứu hiện đại, trong hạt muồng trâu có chứa tới 15% protein, Mg, Mn, Ca, Na. Phần lá và quả muồng trâu có các dẫn xuất anthraquinon và phần rễ cây

chứa sitosterol (là dẫn xuất của steroid thường xuất hiện trong các sản phẩm điều trị bệnh ngoài da).

*

Ngày qua ngày, màu vàng hoa muồng trâu nhắc tôi nhớ ngôi chùa xưa, nhớ lời sư dạy, nhớ bốn mùa mưa nắng nơi vườn cũ.

Buồn bã nghĩ về các “vị sư quốc doanh” hiện nay. Than ôi còn đâu?

